

số 38/2000/QĐ-TTg ngày 24/3/2000 của Thủ tướng Chính phủ cho đến hết năm 2000. Từ năm 2001, các Bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên hàng năm để thực hiện.

Đối với những khoản kinh phí của các chương trình mục tiêu trong quý I năm 2000 Bộ Tài chính đã tạm cấp cho các tỉnh theo hình thức kinh phí ủy quyền: Bộ Tài chính thực hiện điều chỉnh cấp phát từ hình thức kinh phí ủy quyền sang cấp bổ sung có mục tiêu; căn cứ vào số liệu của Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước Trung ương chỉ đạo Kho bạc nhà nước các địa phương phối hợp với Sở Tài chính - Vật giá thực hiện điều chỉnh từ hình thức cấp phát kinh phí ủy quyền sang cấp bổ sung có mục tiêu để đảm bảo quản lý thống nhất. Cụ thể:

- Hạch toán giảm chi cấp phát kinh phí ủy quyền ở chương, loại, khoản, mục, tiểu mục đã cấp phát, hạch toán tăng chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

- Các khoản kinh phí ủy quyền Sở Tài chính - Vật giá đã cấp phát cho các đơn vị trực tiếp sử dụng, được chuyển vào hạch toán chi ngân sách địa phương và quyết toán chi ngân sách địa phương.

- Đối với số dư hạn mức kinh phí ủy quyền chưa chi hết, được chi tiếp và hạch toán chuyển thành số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.

Các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh căn cứ vào Thông tư số 103/1998/TT-BTC ngày 18/7/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước và những quy định tại Thông tư này, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và các chính quyền địa phương tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

THÔNG TƯ số 42/2000/TT-BTC ngày 23/5/2000 hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển.

Thực hiện Quyết định số 232/1999/QĐ-TTg ngày 17/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này áp dụng cho hệ thống Quỹ hỗ trợ phát triển, bao gồm: Quỹ hỗ trợ phát triển Trung ương; Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Văn phòng giao dịch trong nước và nước ngoài của Quỹ hỗ trợ phát triển.

2. Quỹ hỗ trợ phát triển được Nhà nước cấp vốn điều lệ, vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bù chênh lệch lãi suất và được huy động các nguồn vốn trung, dài hạn để thực hiện cho vay đầu tư, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng theo đúng quy định của Nhà nước.

3. Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm đảm bảo hoàn vốn và bù đắp chi phí, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước.

4. Quỹ hỗ trợ phát triển là đơn vị hạch toán tập trung toàn hệ thống, được sử dụng các khoản thu nhập để trang trải các chi phí trong quá trình hoạt động; được phân phối chênh lệch thu chi tài chính theo đúng các quy định tại Thông tư này.

5. Chủ tịch Hội đồng quản lý, Tổng giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc quản lý an toàn vốn và tài sản của Quỹ, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả.

6. Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra hoạt động thu, chi tài chính của Quỹ.

II. QUY ĐỊNH VỀ VỐN VÀ TÀI SẢN

1. Vốn hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển gồm:

1.1. Vốn thuộc sở hữu nhà nước:

- Vốn Điều lệ là 3.000 tỷ đồng được hình thành từ:

+ Tiếp nhận vốn điều lệ do ngân sách nhà nước đã cấp cho Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia và tài sản nhà nước bàn giao từ hệ thống Tổng cục Đầu tư phát triển;

+ Ngân sách nhà nước cấp bổ sung hàng năm cho đến khi đủ vốn điều lệ;

Khi có yêu cầu thay đổi mức vốn điều lệ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Vốn ngân sách nhà nước cấp hàng năm cho mục tiêu tăng nguồn vốn cho vay đầu tư.

1.2. Vốn huy động:

- Vay từ Quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài, Quỹ tiết kiệm bưu điện và nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

- Vay trung và dài hạn của các tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng, ngân hàng và các tổ chức khác trong nước;

- Được huy động các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

1.3. Vốn thu hồi nợ gốc các khoản cho vay trong nước.

1.4. Vốn từ phát hành trái phiếu Chính phủ.

1.5. Vốn vay nợ, viện trợ nước ngoài của Chính phủ dùng để cho vay lại các dự án đầu tư phát triển theo ủy nhiệm của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

1.6. Vốn nhận ủy thác của các quỹ đầu tư, quỹ đầu tư phát triển địa phương, các tổ chức trong và ngoài nước để cho vay hoặc cấp vốn theo hợp đồng ủy thác.

1.7. Vốn ngân sách nhà nước cấp để thực hiện hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.

1.8. Vốn khác.

2. Bộ Tài chính thực hiện giao vốn thuộc sở hữu nhà nước và bố trí vốn bổ sung hàng năm dành cho các mục tiêu đầu tư.

Bộ trưởng Bộ Tài chính giao vốn cho Quỹ hỗ trợ phát triển. Người nhận vốn là Chủ tịch Hội đồng quản lý và Tổng giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển.

Bộ Tài chính thực hiện việc cấp bổ sung vốn điều lệ, vốn cho các mục tiêu của Quỹ hỗ trợ phát triển theo kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

3. Hàng năm, Quỹ hỗ trợ phát triển phải cân đối nguồn vốn và nhu cầu vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; thực hiện kế hoạch hóa các nguồn vốn huy động. Việc huy động các nguồn vốn với lãi suất cao để cho vay đầu tư phải đảm bảo nguyên tắc chỉ huy động khi đã sử dụng tối đa các nguồn vốn không phải trả lãi hoặc huy động với lãi suất thấp.

Khi thực hiện nhiệm vụ tín dụng đầu tư của Nhà nước giao, Quỹ hỗ trợ phát triển được Nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất. Việc cấp bù chênh lệch lãi suất thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Khi thực hiện việc cho vay lại nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), Quỹ hỗ trợ phát triển được hưởng phí cho vay lại theo quy định tại Quyết định số 232/1999/QĐ-TTg ngày 17/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn cụ thể tại Quyết định số 02/2000/QĐ-BTC ngày 06/1/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế cho vay lại từ nguồn vay, viện trợ nước ngoài của Chính phủ.

4. Quỹ hỗ trợ phát triển được quyền thay đổi cơ cấu vốn, tài sản trong phạm vi toàn hệ thống để phục vụ cho việc phát triển hoạt động của Quỹ.

5. Việc đảm bảo hoàn vốn của Quỹ hỗ trợ phát triển được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 12 của Quy chế Quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 232/1999/QĐ-TTg ngày 17/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định:

6.1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định của Quỹ hỗ trợ phát triển được hình thành từ các nguồn:

- Vốn điều lệ hiện có của Quỹ;
- Ngân sách nhà nước cấp (nếu có);
- Khấu hao tài sản cố định;
- Quỹ đầu tư phát triển và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của Nhà nước;

6.2. Toàn bộ công tác xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định của Quỹ hỗ trợ phát triển được thực hiện trong phạm vi nguồn vốn được duyệt trong kế hoạch tài chính do Hội đồng quản lý thông qua và phải thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước. Tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định của Quỹ hỗ trợ phát triển không vượt quá 50% vốn điều lệ hiện có của Quỹ. Căn cứ tình hình thực tế hoạt động của Quỹ, Bộ Tài chính sẽ quy định tỷ lệ này đối với từng giai đoạn cho phù hợp.

7. Kiểm kê, đánh giá lại tài sản.

7.1. Quỹ hỗ trợ phát triển phải thực hiện kiểm kê, đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

- Kiểm kê, đánh giá lại tài sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Thu hồi tài sản thế chấp khi chủ đầu tư không trả được nợ.
- Thanh lý, nhượng bán tài sản.

7.2. Việc kiểm kê, đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định hiện hành đối với doanh nghiệp nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại tài sản (trừ khoản thu hồi tài sản thế chấp khi chủ đầu tư không trả được nợ, tài sản hình thành từ vốn vay của Quỹ) được hạch toán tăng hoặc giảm vốn của Quỹ hỗ trợ phát triển theo quy định như đối với doanh nghiệp nhà nước.

8. Đối với các trường hợp tổn thất về tài sản của Quỹ, Quỹ hỗ trợ phát triển phải xác định rõ nguyên nhân và xử lý:

8.1. Nếu tài sản bị tổn thất do lỗi của tập thể và cá nhân thì tập thể, cá nhân gây ra phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

8.2. Nếu tài sản đã mua bảo hiểm theo pháp luật thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

8.3. Giá trị tổn thất sau khi đã bù đắp bằng

tiền của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm, nếu thiếu được bù đắp bằng Quỹ dự phòng rủi ro nghiệp vụ (trích lập từ chênh lệch thu chi tài chính).

9. Việc trích khấu hao tài sản cố định của Quỹ hỗ trợ phát triển thực hiện như đối với doanh nghiệp nhà nước và theo sự thỏa thuận của Bộ Tài chính.

10. Quỹ hỗ trợ phát triển được quyền cho thuê các tài sản thuộc quyền quản lý của Quỹ theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của Bộ Luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật.

Việc cho thuê trụ sở làm việc do Hội đồng quản lý quyết định theo đề nghị của Tổng Giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển.

11. Quỹ hỗ trợ phát triển được thanh lý, nhượng bán những tài sản kém, mất phẩm chất, tài sản hư hỏng không có khả năng phục hồi, tài sản lạc hậu kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả. Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển quyết định việc thanh lý, nhượng bán trụ sở làm việc và báo cáo Bộ Tài chính.

Khi thanh lý tài sản Quỹ hỗ trợ phát triển phải định giá tài sản và tổ chức đấu giá theo quy định của pháp luật.

Chênh lệch giữa số tiền thu được do thanh lý, nhượng bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản trên sổ sách kế toán và chi phí thanh lý, nhượng bán (nếu có) được hạch toán vào thu nhập của Quỹ hỗ trợ phát triển.

III. TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG RỦI RO VÀ XỬ LÝ RỦI RO

1. Quỹ hỗ trợ phát triển được hạch toán vào chi phí các khoản dự phòng rủi ro về tỷ giá trong quá trình hoạt động theo quy định hiện hành. Riêng khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong hoạt động cho vay lại nguồn vốn ODA không hạch toán vào thu nhập, chi phí; việc hạch toán khoản này thực hiện theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

2. Quỹ dự phòng rủi ro.

2.1. Quỹ hỗ trợ phát triển được trích lập quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp tổn thất do nguyên nhân khách quan phát sinh trong quá trình cho vay các dự án đầu tư phát triển theo kế hoạch của Nhà nước.

2.2. Mức trích lập Quỹ dự phòng rủi ro hàng năm được tính bằng 2% tổng số lãi thu được trong năm từ các dự án vay vốn đầu tư của Quỹ hỗ trợ phát triển và được hạch toán vào chi phí nghiệp vụ. Việc trích lập thực hiện theo quy trình sau:

- Kết thúc mỗi quý, căn cứ số lãi cho vay thu được trong quý, Quỹ hỗ trợ phát triển tạm trích quỹ dự phòng rủi ro và hạch toán vào chi phí nghiệp vụ. Mức tạm trích bằng 2% số tiền lãi cho vay thu được trong quý.

- Kết thúc năm tài chính, trước khi khóa sổ kế toán, Quỹ hỗ trợ phát triển tính lại số trích Quỹ dự phòng rủi ro cả năm và thực hiện điều chỉnh:

+ Nếu số đã tạm trích nhỏ hơn số được trích cả năm thì Quỹ hỗ trợ phát triển trích bổ sung phần chênh lệch thiếu hạch toán vào chi phí nghiệp vụ;

+ Nếu số đã tạm trích lớn hơn số được trích cả năm thì Quỹ hỗ trợ phát triển thực hiện giảm chi phí nghiệp vụ tương ứng với số chênh lệch thừa.

3. Quỹ dự phòng rủi ro được sử dụng trong trường hợp:

- Xóa nợ cho các dự án do nguyên nhân bất khả kháng như: có tổn thất do thiên tai, hỏa hoạn; sau khi sử dụng tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có) để giảm trừ tổn thất; căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc xóa nợ, Quỹ hỗ trợ phát triển trích quỹ dự phòng rủi ro số tiền tương ứng với số chênh lệch thiếu phần vốn gốc.

- Sử dụng quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp các tổn thất do nguyên nhân khách quan phát sinh trong toàn hệ thống.

4. Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro được thực hiện ở các chi nhánh, sau đó được chuyển về Quỹ Trung ương để tập trung quản lý. Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm quản lý và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro đúng mục đích.

Cuối năm, nếu không sử dụng hết quỹ dự phòng rủi ro, số dư của quỹ được chuyển sang quỹ dự phòng rủi ro năm sau. Trường hợp số dư

quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp tổn thất phát sinh trong năm, Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

IV. TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG QUỸ DỰ PHÒNG BẢO LÃNH

1. Quỹ hỗ trợ phát triển được lập quỹ dự phòng bảo lãnh để trả cho các tổ chức tín dụng khi chủ đầu tư được bảo lãnh không trả nợ đúng hạn. Giới hạn trích tối đa hàng năm của quỹ dự phòng bảo lãnh bằng 5% tổng số vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước (trừ vốn ODA cho vay lại). Mức trích cụ thể từng năm do Chủ tịch Hội đồng quản lý quyết định và đưa vào kế hoạch năm trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Việc trích lập quỹ dự phòng bảo lãnh chỉ thực hiện ở cấp trung ương. Các chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển và các Văn phòng đại diện không được trích quỹ bảo lãnh.

2. Quy chế bảo lãnh tín dụng đầu tư do Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển ban hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Kết thúc năm tài chính, nếu quỹ dự phòng bảo lãnh không sử dụng hết thì toàn bộ số dư còn lại của quỹ sẽ được nhập vào nguồn vốn cho vay của năm sau.

Trường hợp Quỹ dự phòng bảo lãnh không đủ để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thì Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

V. CẤP VỐN HỖ TRỢ LÃI SUẤT SAU ĐẦU TƯ

1. Cuối tháng 9, căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế xã hội, căn cứ kế hoạch của các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các tổ chức có liên quan, Quỹ hỗ trợ phát triển lập và gửi kế hoạch hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trong kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Hàng năm, căn cứ kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ giao và danh sách các dự án đầu tư đã

được Quỹ hỗ trợ phát triển ký hợp đồng hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, Bộ Tài chính thực hiện cấp vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Quỹ hỗ trợ phát triển theo tiến độ triển khai, trong phạm vi dự toán được duyệt.

Kết thúc năm, Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm quyết toán với Bộ Tài chính số vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đã nhận và số thực cấp cho các chủ đầu tư. Nếu hết năm, số vốn được cấp chưa sử dụng hết thì được giảm trừ cấp phát vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của năm sau.

3. Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm quản lý và sử dụng đúng các quy định đối với nguồn vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư. Không sử dụng vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho các mục đích khác.

VI. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Thu nhập của Quỹ hỗ trợ phát triển là toàn bộ các khoản thu phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ khác của Quỹ, bao gồm:

1.1. Thu nhập từ hoạt động nghiệp vụ:

- Thu lãi vay và lãi phạt của các dự án vay vốn đầu tư của Quỹ hỗ trợ phát triển (không bao gồm lãi vay của các dự án sử dụng nguồn vốn ODA cho vay lại); lãi phạt các dự án được bảo lãnh nhưng không trả nợ đúng hạn buộc Quỹ hỗ trợ phát triển phải trả nợ thay;

- Thu lãi tiền gửi của Quỹ hỗ trợ phát triển gửi tại Kho bạc nhà nước và các ngân hàng thương mại;

- Thu lãi cho vay vốn tạm thời nhàn rỗi;

- Thu phí dịch vụ bảo lãnh bằng 0,5%/năm trên số tiền đang bảo lãnh cho chủ đầu tư;

- Thu phí nhận ủy thác cho vay lại theo hợp đồng ủy thác;

- Thu cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý do ngân sách nhà nước cấp;

- Thu về dịch vụ thanh toán, thông tin và ngân quỹ;

Thu hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ khác;

1.2. Thu nhập từ hoạt động tài chính:

- Thu lãi từ tín phiếu, trái phiếu Chính phủ;
- Thu phí dịch vụ tư vấn đầu tư;
- Thu từ hoạt động cho thuê tài sản;
- Các khoản thu từ dịch vụ tài chính khác.

1.3. Thu nhập từ hoạt động bất thường:

- Các khoản thu phạt;
- Thu thanh lý, nhượng bán tài sản của Quỹ hỗ trợ phát triển (sau khi trừ giá trị còn lại và các khoản chi phí thanh lý, nhượng bán);
- Thu chênh lệch do đánh giá lại tài sản thế chấp khi chủ đầu tư không trả được nợ, tài sản hình thành từ vốn vay của Quỹ;
- Thu nợ đã xóa nay thu hồi được;
- Các khoản thu nhập bất thường khác.

2. Chi phí của Quỹ hỗ trợ phát triển là các chi phí hợp lý phải trả phát sinh trong kỳ, bao gồm:

2.1. Chi hoạt động nghiệp vụ:

- Trả lãi tiền vay (không bao gồm trả lãi vay của các dự án sử dụng nguồn vốn ODA cho vay lại);

- Trả lãi trái phiếu;

- Trả lãi tiền gửi;

- Chi phí huy động vốn;

- Chi phí dịch vụ thanh toán;

- Chi phí ủy thác đầu tư;

- Chi phí dịch vụ đầu tư;

- Chi phí dự phòng rủi ro về tỷ giá;

- Chi trích lập quỹ dự phòng rủi ro;

- Chi khác cho hoạt động nghiệp vụ.

2.2. Chi phí quản lý:

- Chi cho cán bộ, công chức, viên chức của Quỹ hỗ trợ phát triển:

+ Chi lương, phụ cấp lương theo chế độ do Thủ tướng Chính phủ quyết định;

+ Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đóng góp kinh phí công đoàn theo chế độ Nhà nước quy định;

+ Chi ăn giữa ca: mức chi mỗi người không

vượt quá mức lương tối thiểu Nhà nước quy định cho công nhân viên chức;

+ Chi trợ cấp khó khăn theo quy định của pháp luật;

+ Chi trang phục giao dịch;

+ Chi phụ cấp cho thành viên Hội đồng quản lý làm việc bán chuyên trách;

+ Chi phương tiện bảo hộ lao động theo quy định;

- Chi phí khấu hao tài sản cố định.

- Chi cho hoạt động quản lý và công vụ;

+ Chi mua sắm công cụ lao động, vật tư văn phòng;

+ Chi về cước phí bưu điện và truyền tin: Gồm chi về bưu phí, truyền tin, điện báo, thuê kênh truyền tin, telex, fax...trả theo hóa đơn của cơ quan bưu điện;

Việc chi trang bị điện thoại tại nhà riêng của các đối tượng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Chi điện, nước, y tế, vệ sinh cơ quan;

+ Chi xăng dầu vận chuyển phục vụ cán bộ, công chức, viên chức đi công tác và lãnh đạo Quỹ đi làm việc theo chế độ Nhà nước quy định;

+ Chi công tác phí cho cán bộ, công chức, viên chức đi công tác trong và ngoài nước thanh toán theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính;

+ Chi phí tuyên truyền, họp báo, chi phí giao dịch, đối ngoại, chi phí hội nghị;

+ Chi cho việc thanh tra, kiểm tra các Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển theo chế độ quy định;

+ Chi bảo dưỡng sửa chữa tài sản theo kế hoạch tài chính hàng năm;

+ Chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật như: tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ, vi tính, ngoại ngữ ngắn hạn cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc Quỹ hỗ trợ phát triển; chi tổ chức hội thảo; chi mua tài liệu, in ấn biên dịch tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo bồi dưỡng huấn luyện nghiệp vụ, nghiên cứu...;

+ Chi nghiệp vụ kho quỹ, bốc vác, vận chuyển.

- Chi phí quản lý khác theo quy định.

2.3. Chi hoạt động tài chính:

- Chi phí cho hoạt động mua bán trái phiếu, tín phiếu Chính phủ;

- Chi phí cho thuê tài sản;

2.4. Các khoản chi bất thường:

- Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa.

- Chi phí để thu các khoản phạt theo quy định.

- Chi bảo hiểm tài sản và chi các loại bảo hiểm khác theo quy định.

- Chi chênh lệch do đánh giá lại tài sản thế chấp khi chủ đầu tư không trả được nợ, tài sản hình thành từ vốn vay của Quỹ.

- Chi hỗ trợ cho các hoạt động của Đảng, đoàn thể của Quỹ hỗ trợ phát triển theo quy định của Nhà nước (không bao gồm các khoản chi ủng hộ công đoàn ngành, địa phương, các tổ chức xã hội và cơ quan khác).

- Các khoản chi phí khác theo thực tế phát sinh và có chứng từ hợp lý.

3. Quỹ hỗ trợ phát triển không được hạch toán vào chi phí các khoản sau:

Các khoản thiệt hại đã được Chính phủ hỗ trợ hoặc cơ quan bảo hiểm, bên gây thiệt hại bồi thường;

- Các khoản chi phạt do vi phạm hành chính, vi phạm môi trường, phạt nợ vay quá hạn do nguyên nhân chủ quan, phạt vi phạm chế độ tài chính;

- Các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, nâng cấp, cải tạo tài sản cố định thuộc nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản;

- Các khoản chi cho sửa chữa, bảo dưỡng và trang thiết bị các tài sản phúc lợi như nhà ở, nhà nghỉ của cán bộ, công chức, viên chức Quỹ hỗ trợ phát triển, các khoản chi cho các công trình phúc lợi khác;

- Các khoản chi ủng hộ địa phương, các tổ chức xã hội, các cơ quan khác;

- Chi công tác trong và ngoài nước vượt định mức chi do Nhà nước quy định;

- Các khoản chi thuộc nguồn kinh phí khác đài thọ.

VII. PHÂN PHỐI THU NHẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ

1. Phân phối thu nhập:

Chênh lệch thu, chi tài chính hàng năm sau khi trả tiền phạt do vi phạm các quy định của pháp luật, được phân phối như sau:

- Trích 10% vào quỹ dự phòng rủi ro nghiệp vụ. Mức trích cho đến khi số dư của quỹ bằng 25% vốn điều lệ;

- Trích tối đa 50% vào quỹ đầu tư phát triển;

- Trích 5% vào quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc. Mức trích cho đến khi số dư quỹ này bằng 6 tháng lương thực hiện của Quỹ hỗ trợ phát triển;

- Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi. Mức trích hai quỹ thực hiện theo quy định như đối với doanh nghiệp nhà nước. Tỷ lệ phân chia hai quỹ do Hội đồng quản lý quyết định;

- Số còn lại sau khi trích lập các quỹ trên sẽ được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển.

2. Mục đích sử dụng các quỹ được trích lập:

2.1. Quỹ dự phòng rủi ro nghiệp vụ được dùng để bù đắp những tổn thất về tài sản sau khi đã bù đắp bằng tiền cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm nếu thiếu được bù đắp bằng quỹ này.

2.2. Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để đầu tư, đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc, trợ giúp thêm cho việc đào tạo nâng cao tay nghề và điều kiện làm việc cho Quỹ.

2.3. Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc dùng để trợ cấp cho người lao động đã làm việc tại Quỹ hỗ trợ phát triển từ 1 năm trở lên bị mất việc do chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật; chi đào tạo lại chuyên môn, kỹ thuật cho người lao động do thay đổi công nghệ hoặc chuyển sang công việc mới; đào tạo nghề dự phòng cho lao động nữ của Quỹ và bồi dưỡng

nâng cao trình độ nghề nghiệp cho cán bộ, viên chức làm việc tại Quỹ hỗ trợ phát triển.

2.4. Quỹ khen thưởng dùng để:

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ cho cán bộ, viên chức của Quỹ hỗ trợ phát triển. Mức thưởng do Tổng Giám đốc quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Công đoàn trên cơ sở năng suất lao động, thành tích của mỗi cán bộ, viên chức làm việc tại Quỹ hỗ trợ phát triển.

- Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể của Quỹ hỗ trợ phát triển có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ mang lại hiệu quả. Mức thưởng do Tổng Giám đốc Quỹ quyết định.

- Thưởng cho cá nhân và đơn vị ngoài Quỹ hỗ trợ phát triển có quan hệ, hoàn thành tốt những điều kiện hợp đồng, đóng góp có hiệu quả vào hoạt động của Quỹ. Mức thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

2.5. Quỹ phúc lợi dùng để:

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi của Quỹ hỗ trợ phát triển, góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị theo hợp đồng thỏa thuận.

- Chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ, viên chức Quỹ hỗ trợ phát triển.

- Đóng góp cho Quỹ phúc lợi xã hội.

- Chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ, viên chức Quỹ hỗ trợ phát triển.

- Chi các hoạt động phúc lợi khác.

Tổng Giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn Quỹ để quản lý, sử dụng quỹ này.

VIII. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN THỐNG KÊ VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

1. Hàng năm, Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm lập và báo cáo Bộ Tài chính các kế hoạch sau:

1.1. Kế hoạch vốn và sử dụng vốn:

- Kế hoạch vốn hàng năm bao gồm:
 - + Vốn điều lệ ngân sách nhà nước cấp bổ sung;
 - + Vốn ngân sách nhà nước cấp cho các mục tiêu: tăng nguồn vốn cho vay đầu tư, vốn để hỗ trợ lãi suất sau đầu tư;
 - + Kế hoạch cấp bù chênh lệch lãi suất;
 - + Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (nếu có);
 - + Vốn thu hồi nợ vay;
 - + Vốn huy động theo từng nguồn;
 - + Vốn khác.
- Kế hoạch sử dụng vốn:

Tổng mức vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước theo các hình thức hỗ trợ: cho vay đầu tư, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư và theo cơ cấu ngành, lĩnh vực, vùng; kế hoạch trả nợ các nguồn vốn đã huy động.

1.2. Kế hoạch cấp bù chênh lệch lãi suất.

1.3. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản: Kèm theo thuyết minh chi tiết về dự kiến xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định và cân đối các nguồn vốn.

1.4. Kế hoạch thu - chi tài chính: Kèm theo thuyết minh chi tiết về các mục thu, chi và các định mức chi tiêu cụ thể.

1.5. Kế hoạch biên chế, quỹ lương.

Các kế hoạch trên được duyệt là căn cứ để Quỹ hỗ trợ phát triển thực hiện và duyệt quyết toán tài chính với cơ quan tài chính.

Trong 5 năm đầu mới thành lập, Quỹ hỗ trợ phát triển được chi theo kế hoạch tài chính do Hội đồng quản lý thông qua và được Bộ Tài chính chấp thuận. Trường hợp thu không đủ chi theo kế hoạch, Quỹ hỗ trợ phát triển báo cáo Bộ Tài chính xử lý theo thẩm quyền.

2. Định kỳ (tháng, quý, năm) Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm lập và gửi các báo cáo tài chính sau cho Bộ Tài chính:

2.1. Định kỳ hàng tháng vào ngày 20, Quỹ hỗ trợ phát triển lập và gửi cho Bộ trưởng Bộ Tài chính báo cáo nhanh về tình hình hoạt động của toàn hệ thống Quỹ theo đúng quy định tại Điều

11 Nghị định số 50/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển.

2.2. Báo cáo quý được gửi chậm nhất vào ngày 25 tháng đầu quý sau, bao gồm:

- Báo cáo thu chi tài chính;
- Báo cáo cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước;
- Báo cáo bảo lãnh tín dụng đầu tư;
- Báo cáo cho vay đầu tư bằng vốn ủy thác;
- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo tình hình quỹ dự phòng rủi ro;
- Thuyết minh báo cáo tài chính;
- Báo cáo tình hình cho vay - thu nợ các dự án thuộc Bộ, ngành;
- Báo cáo tình hình cho vay - thu nợ các dự án theo địa bàn.

2.3. Kết thúc niên độ kế toán, chậm nhất vào ngày 30 tháng 3 của năm sau, Quỹ hỗ trợ phát triển lập và gửi báo cáo quyết toán cho Bộ Tài chính, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo quyết toán thu chi tài chính;
- Báo cáo quyết toán cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước;
- Báo cáo quyết toán bảo lãnh tín dụng đầu tư;
- Báo cáo quyết toán cấp vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư;
- Báo cáo quyết toán cho vay đầu tư bằng vốn ủy thác;
- Báo cáo sử dụng quỹ dự phòng rủi ro;
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo quyết toán năm của Quỹ hỗ trợ phát triển phải được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thông qua sau khi có xác nhận của Ban Kiểm soát Quỹ.

3. Quỹ hỗ trợ phát triển chịu sự kiểm tra tài chính của Bộ Tài chính, gồm:

- Kiểm tra báo cáo kế toán và báo cáo quyết toán theo định kỳ hoặc đột xuất.

- Kiểm tra theo từng chuyên đề, theo từng yêu cầu của công tác quản lý tài chính.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện chế độ tài chính theo đúng quy định tại Quy chế Quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành và nội dung hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 năm 2000. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị Quỹ hỗ trợ phát triển phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

LÊ THỊ BĂNG TÂM

THÔNG TƯ số 43/2000/TT-BTC ngày 23/5/2000 hướng dẫn cấp bù chênh lệch lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước đối với Quỹ hỗ trợ phát triển.

Căn cứ Nghị định số 43/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1999 của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 50/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển;

Căn cứ Quy chế Quản lý tài chính Quỹ hỗ trợ phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 232/1999/QĐ-TTg ngày 17/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ;

Để Quỹ hỗ trợ phát triển đảm bảo hoàn vốn

trong quá trình thực hiện tín dụng đầu tư theo kế hoạch của Nhà nước, Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp bù chênh lệch lãi suất (sau đây gọi tắt là cấp bù) đối với Quỹ hỗ trợ phát triển như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi cấp bù cho Quỹ hỗ trợ phát triển bao gồm:

Chênh lệch lãi suất và phí quản lý đối với các dự án cho vay từ các nguồn vốn trong nước.

2. Mức cấp bù được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa lãi suất hòa đồng các nguồn vốn trong nước (bao gồm cả các nguồn vốn không phải trả lãi) với lãi suất cho vay chỉ định và phần phí quản lý được hưởng.

Quỹ hỗ trợ phát triển chỉ huy động các nguồn vốn với lãi suất cao trong trường hợp đã sử dụng tối đa các nguồn vốn không phải trả lãi hoặc huy động với lãi suất thấp.

3. Việc cấp bù được thực hiện theo phương thức tạm cấp hàng quý theo kế hoạch và có điều chỉnh theo tình hình thực hiện của các quý trước; số cấp bù chính thức cả năm sẽ được xác định sau khi kết thúc năm tài chính.

Nguồn cấp bù cho Quỹ hỗ trợ phát triển được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

4. Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, xác định nhu cầu cấp bù và báo cáo Bộ Tài chính theo đúng quy định tại Thông tư này.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Xây dựng kế hoạch cấp bù chênh lệch lãi suất.

1.1. Trình tự xây dựng kế hoạch.

- Căn cứ kế hoạch cân đối và huy động các nguồn vốn; căn cứ chủ trương về tín dụng đầu tư của Nhà nước, Quỹ hỗ trợ phát triển xây dựng kế hoạch cấp bù cho năm kế hoạch gửi Bộ